

Số: 01/QĐ-LTTr

Nam Xuân, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước đầu năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ TỰ TRỌNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ thông tư 90/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ vào Quyết định số 136/ QĐ-GD&ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Krông Nô. Về việc giao dự toán ngân sách năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường THCS Lý Tự Trọng với tổng số tiền là 5.198.854.000 (Năm tỷ một trăm chín mươi tám triệu tám trăm năm mươi tư ngàn đồng) chi tiết theo nội dung:

Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương: 4.588.250.000đ

Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương: 54.000.000đ

Đã trừ 60% thực hiện thu học phí: 39.285.000đ

Chi thường xuyên theo định mức: 364.544.000đ

Kinh phí mua phần mềm tài khoản tập huấn: 12.500.000đ

Hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 81/2021: 199.000.000đ

Tiền hỗ trợ tiền ăn cho HS theo NĐ116/2016: 19.440.000đ

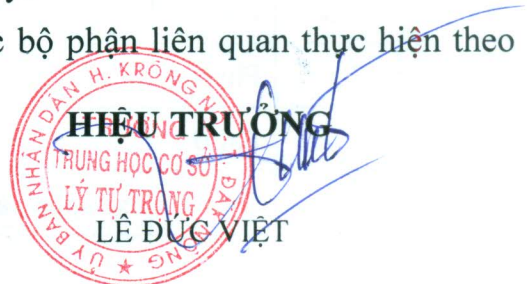
Tiền ngoài trời của GV thể dục: 15.120.000đ

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Căn cứ vào dự toán được giao, Các bộ phận liên quan thực hiện theo quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1, điều 3;
- Lưu VT.





Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 01/QĐ- LTT ngày 05/01 /2024 của hiệu trưởng trường THCS Lý Tự Trọng)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	

1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5.198.854.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.952.794.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	246.060.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	



8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Đức Việt

Biểu số 02/QĐ – CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

UBND HUYỆN KRÔNG NÔ
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22 /QĐ-THCS LTT

Nam Xuân, ngày 18 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 74 QĐ-PGD&ĐT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Krông Nô. Về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục theo nghị quyết số 11/2022 /NQ-HĐND học kỳ 2 năm học 2023-2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục theo nghị quyết số 11/2022 /NQ-HĐND học kỳ 2 năm học 2023-2024; với số tiền : 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng y)

1. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên 40.500.000đ:

Tiền hỗ trợ về giáo dục theo Nghị quyết 11/2022/NQ – HĐND học kỳ II năm học 2023 - 2024 : 40.500.000đ:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Căn cứ vào dự toán được giao, Các bộ phận liên quan thực hiện theo quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1, điều 3;
- Lưu VT.



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng

Chương: 622

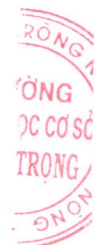
DỰ TOÁN THU - CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ- THCS LTT ngày 18/05 /2024 của Trường THCS Lý Tự Trọng)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu - chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	

2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	40.500.000
I	Chi ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	40.500.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	40.500.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	



10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	<i>Nguồn vốn viện trợ</i>	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	<i>Dự án A</i>	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	<i>Dự án A</i>	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	<i>Dự án A</i>	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	<i>Dự án A</i>	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	<i>Dự án A</i>	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	<i>Dự án A</i>	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	<i>Dự án A</i>	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	<i>Dự án A</i>	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	<i>Dự án A</i>	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	<i>Dự án A</i>	
10.2	Dự án B	
III	<i>Nguồn vay nợ nước ngoài</i>	
1	<i>Chi quản lý hành chính</i>	
1.1	<i>Dự án A</i>	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	<i>Dự án A</i>	
2.2	Dự án B	

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	<i>Dự án A</i>	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	<i>Dự án A</i>	
4.2	Dự án B	
5	Chi đảm bảo xã hội	
5.1	<i>Dự án A</i>	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	<i>Dự án A</i>	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	<i>Dự án A</i>	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	<i>Dự án A</i>	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
9.1	<i>Dự án A</i>	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	<i>Dự án A</i>	
10.2	Dự án B	